

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thiếu	Nguồn kinh phí thực hiện		Văn bản báo cáo của địa phương
		Địa phương đề nghị	Số Tài chính xác định			Cải cách tiền lương của tỉnh	Cải cách tiền lương của cấp xã	
A	B	I	2	3	4=2-3	4a	4b	5
	Tổng cộng	392.980	293.774	149.612	144.162	138.603	5.559	
1	Xã Tịnh Khê	19.091	13.708	4.946	8.762	8.762		58/BC-UBND ngày 07/8/2025
2	Xã An Phú	13.446	10.181	5.884	4.297	4.297		62/BC-UBND ngày 07/8/2025
3	Phường Cẩm Thành	17.787	8.312	3.180	5.132	5.132		436/UBND-VX ngày 24/8/2025
4	Xã Ba Vì	1.439	1.145	487	658	658		42/BC-UBND ngày 04/8/2025
5	Xã Ba Đình	1.613	1.123	431	692	692		238/UBND ngày 07/8/2025
6	Xã Ba Vinh	1.050	630	464	166	166		148/UBND- VHXH ngày 22/8/2025
7	Xã Ba Động	2.166	1.518	488	1.030	1.030		58/BC-UBND ngày 07/8/2025
8	Xã Ba Xa	642	427	370	57	-	57	64/BC-UBND ngày 07/8/2025
9	Xã Nguyễn Nghiêm	6.291	4.752	3.010	1.742	1.742		64/BC-UBND ngày 20/8/2025
10	Phường Trà Câu	13.446	8.368	7.835	533	533		42/BC-UBND ngày 07/8/2025
11	Phường Sa Huỳnh	5.764	4.307	3.885	422	422		157/UBND- VHXH ngày 05/8/2025
12	Xã Bình Minh	5.645	4.460	3.104	1.356	1.356		59/BC-UBND ngày 07/8/2025
13	Xã Bình Chương	6.071	4.271	2.681	1.589	1.589		67/BC-UBND ngày 13/8/2025
14	Xã Bình Sơn	28.793	21.773	7.166	14.607	14.607		100/BC-UBND ngày 09/8/2025
15	Xã Vạn Tường	16.206	11.387	5.885	5.502	-	5.502	65/BC-UBND ngày 08/8/2025
16	Xã Đông Sơn	17.950	13.294	5.899	7.395	7.395		130/BC-UBND ngày 29/8/2025
17	Xã Trường Giang	7.851	5.198	3.367	1.831	1.831		92/BC-UBND ngày 11/8/2025
18	Xã Ba Gia	4.913	5.063	3.367	1.696	1.696		90/BC-UBND ngày 07/8/2025
19	Xã Sơn Tịnh	11.823	7.968	3.367	4.601	4.601		309/UBND-KT ngày 08/8/2025

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thiếu	Nguồn kinh phí thực hiện		Văn bản báo cáo của địa phương
		Địa phương đề nghị	Số Tài chính xác định			Cải cách tiền lương của tỉnh	Cải cách tiền lương của cấp xã	
A	B	I	2	3	4=2-3	4a	4b	5
20	Xã Thọ Phong	8.592	5.548	2.904	2.644	2.644		198/UBND-VX ngày 06/8/2025
21	Xã Trà Bồng	3.414	3.743	2.607	1.136	1.136		177/UBND- VHXH ngày 02/8/2025
22	Xã Đông Trà Bồng	2.288	3.442	2.607	835	835		123/UBND-KT ngày 15/8/2025
23	Xã Tây Trà	5.339	5.153	2.607	2.546	2.546		133/UBND- VHXH ngày 08/8/2025
24	Xã Tây Trà Bồng	3.592	3.477	2.950	527	527		221/UBND- KTTH ngày 29/8/2025
25	Xã Tư Nghĩa	18.512	14.588	7.545	7.043	7.043		470/UBND ngày 25/8/2025
26	Xã Vệ Giang	14.837	9.086	4.000	5.086	5.086		184/UBND ngày 07/8/2025
27	Xã Nghĩa Giang	12.448	9.048	3.384	5.664	5.664		247/UBND- VHXH ngày 04/8/2025
28	Xã Trà Giang	6.359	4.679	2.506	2.173	2.173		226/UBND ngày 06/8/2025
29	Xã Long Phụng	17.300	15.130	8.859	6.271	6.271		91/BC-UBND ngày 11/8/2025
30	Xã Mô Cày	15.199	12.977	5.719	7.258	7.258		191/UBND-VX ngày 05/8/2025
31	Xã Mộ Đức	18.044	15.779	8.297	7.482	7.482		79/BC-UBND ngày 09/8/2025
32	Xã Lân Phong	13.084	10.884	5.727	5.157	5.157		69/BC-UBND ngày 13/8/2025
33	Xã Nghĩa Hành	11.778	6.664	2.911	3.753	3.753		47/BC-UBND ngày 07/8/2025
34	Xã Đình Cương	15.838	9.615	2.591	7.024	7.024		248/UBND ngày 08/8/2025
35	Xã Thiện Tín	6.059	4.510	2.000	2.510	2.510		205/UBND ngày 08/8/2025
36	Xã Phước Giang	12.133	7.038	2.795	4.243	4.243		154/UBND ngày 07/8/2025
37	Xã Minh Long	1.568	1.367	806	561	561		63/BC-UBND ngày 07/8/2025
38	Xã Sơn Mai	1.500	1.152	806	346	346		53/BC-UBND ngày 05/8/2025
39	Xã Sơn Tây Thượng	1.156	1.786	1.635	151	151		42/BC-UBND ngày 08/8/2025

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thiếu	Nguồn kinh phí thực hiện		Văn bản báo cáo của địa phương
		Địa phương đề nghị	Số Tài chính xác định			Cải cách tiền lương của tỉnh	Cải cách tiền lương của cấp xã	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=2-3</i>	<i>4a</i>	<i>4b</i>	<i>5</i>
40	Đặc khu Lý Sơn	6.700	5.940	2.730	3.210	3.210		619/UBND ngày 06/8/2025
41	Xã Ngọc Réo	1.086	1.157	905	252	252		118/BC-UBND ngày 08/8/2025
42	Xã Ngọc Tú	2.196	1.965	1.297	668	668		47/BC-UBND ngày 11/8/2025
43	Xã Kon Đào	2.280	2.280	975	1.305	1.305		69/BC-UBND ngày 19/8/2025
44	Xã Bờ Y	2.100	2.580	1.329	1.251	1.251		400/UBND-KT ngày 13/8/2025
45	Xã Sa Loong	1.774	1.224	1.133	91	91		46/BC-UBND ngày 14/8/2025
46	Xã Đăk Pék	3.677	3.203	600	2.603	2.603		86/BC-UBND ngày 11/8/2025
47	Xã Ya Ly	1.791	1.509	1.269	240	240		80/BC-UBND ngày 08/8/2025
48	Xã Mô Rai	363	378	303	75	75		209/UBND-TH ngày 20/8/2025